

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 305/2022/DS-PT

Ngày: 08/12/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các thẩm phán: Ông **Trương Vĩnh Hữu**;

Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thủy, Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 196/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 252/2022/DS-ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2022/QĐXXPT-DS ngày 18/10/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Nh, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Lê Thụy Cẩm Th**, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Lại Thị Ch**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Nh, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Cao Thị Z**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Nh, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lại Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày như sau: Bà Lê Thị P có tham gia hội của

bà Cao Thị Z đến kỳ hội chót thì bà Ch hỏi mượn hội của bà P và được sự đồng ý của bà P nên bà Z mới giao tiền hốt hội của bà P cho bà Ch. Đến ngày 02/02/2020 (âm lịch), bà Ch có đến nhà bà P và nói là bà Ch đã mượn số tiền hốt hội của bà P do bà Z giao, đợi nửa tháng nữa bà Ch hốt hội được sẽ trả lại cho bà P nhưng đến hạn bà Ch không trả với lý do là bà chưa hốt hội được. Khoảng một tháng sau bà Ch đến và nói không có tiền nên xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng. Vì sợ bà Ch không giữ lời hứa nên bà P có soạn biên nhận nợ với số tiền mượn là 70.000.000 đồng, bà Ch có ký tên, ghi họ tên và còn ghi mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, biên nhận đề ngày 20/5/2020, có thỏa thuận thời hạn trả là ngày 01/6/2020. Tuy nhiên, sau khi lập biên nhận bà Ch vẫn không trả nợ như thỏa thuận. Nay bà P yêu cầu bà Ch trả số tiền 70.000.000 đồng và trả số tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 02/6/2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Lại Thị Ch trình bày như sau: Bà xác định không có việc hỏi mượn tiền như bà P trình bày, bà không có nhận tiền của bà P, bà có tham gia hội của bà Z, có chơi chung hội với bà P nhưng không có nhận tiền hội từ bà Z như bà P trình bày. Lý do bà ký biên nhận ngày 20/5/2020 là do bà P nói nếu không có mượn thì ký tên nên bà mới ký, nội dung mỗi tháng trả 10.000.000 đồng không phải do bà viết, bà chỉ có ký và ghi họ tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Z trình bày: Bà có quen biết với bà Lê Thị P, bà Lại Thị Ch cùng cư trú ấp Tr, xã Nh. Trước đây, bà P, bà Ch có tham gia hội do bà làm đầu thảo; trong số những phần hội bà P tham gia của bà có đây hội 500.000 đồng, hai tuần khai một lần, hội mở ngày 10/5/2017 (dương lịch) nhằm ngày 15/4/2017 (âm lịch), hội gồm 26 phần, bà P tham gia 04 phần, bà P hốt hội 02 phần, còn 02 phần chưa hốt đóng đến mãn hội với số tiền 70.000.000 đồng. Đến khi hội mãn, bà Ch có hỏi mượn bà P số tiền này, bà có điện thoại hỏi lại bà P và bà P nói bà Ch có hỏi mượn và bà P cũng đồng ý nên bà đã giao toàn bộ số tiền hốt hội của bà P 70.000.000 đồng cho bà Ch, khi giao tiền chỉ có mặt bà với bà Ch, không có làm biên nhận giao tiền giữa bà với bà Ch nhưng bà Ch có làm biên nhận nợ với bà P, tuy nhiên việc làm biên nhận giữa bà P với bà Ch như thế nào bà không rõ. Về thời điểm bà giao tiền cho bà Ch bà không nhớ do thời gian đã lâu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 252/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

Buộc bà Lại Thị Ch trả bà Lê Thị P số tiền vay và lãi 84.525.000 (*Tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bà Lê Thị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lại Thị Ch còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bà bà Lại Thị Ch phải chịu 4.226.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.924.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003644 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, bị đơn bà Lại Thị Ch có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Ch thừa nhận có ký nhận nợ bà P số tiền 70.000.000 đồng, xin không trả lãi, đối với số tiền vốn 70.000.000 đồng bà Ch xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Th đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ch, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Ch trả 70.000.000 đồng tiền vốn vay và lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 06/7/2022 Tòa án huyện Ch ban hành bản án số 252/2022/DS-ST, đến ngày 18/7/2022 bị đơn bà Lại Thị Ch nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, kháng cáo của bà Ch còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn bà Ch yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà

Ch thay đổi yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, xét cho bà Ch không phải trả lãi và được trả dần số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng với phương thức trả mỗi tháng 200.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà Ch là không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bà Ch.

[3.1]. Đối với số tiền vốn vay: Xét thấy, căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là “Bản cam kết” ngày 20/5/2020 có chữ ký và ghi họ tên của bà Lại Thị Ch được bà Ch thừa nhận do bà ký và ghi họ tên của mình. Bà Ch cho rằng vì để chứng minh bà không có mượn tiền của bà P nên mới ký vào biên nhận nợ do bà P soạn sẵn là không có căn cứ vì không ai chứng minh mình không nợ lại ký nhận nhận nợ. Căn cứ “Bản cam kết” ngày 20/5/2020 thì bà Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà P kiện yêu cầu bà Ch trả toàn bộ vốn gốc là có căn cứ.

[3.2]. Về yêu cầu tính lãi: Căn cứ “Bản cam kết” đề ngày 20/5/2020 thể hiện thời hạn trả nợ là ngày 01/6/2020 nhưng đến nay bà Ch không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà P yêu cầu trả lãi phát sinh do chậm trả là có căn cứ. Căn cứ Điều 357; 468 Bộ luật dân sự bên có nghĩa vụ trả tiền mà chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Do bà P và bà Ch không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83%/tháng. Thời gian bà Ch chậm trả từ ngày 02/6/2020 đến ngày 06/7/2022 là 25 tháng, số tiền lãi là $70.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 25 \text{ tháng} = 14.525.000 \text{ đồng}$.

[4]. Từ những phân tích trên, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P là có cơ sở.

[5]. Bị đơn bà Ch kháng cáo xin không trả lãi và trả dần tiền vốn vay mỗi tháng 200.000 đồng. Xét yêu cầu của bà Ch sẽ kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không được đại diện nguyên đơn là chị Th chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Ch không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự;; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lại Thị Ch; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 252/2022/DS-ST ngày 06/7/2022, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

Buộc bà Lại Thị Ch trả bà Lê Thị P số tiền vay và lãi 84.525.000 (tám mươi bốn triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bà Lê Thị P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lại Thị Ch còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2. Về án phí:

Bà bà Lại Thị Ch phải chịu 4.226.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.924.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003644 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lại Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020781 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Ch;
- Chi cục THADS huyện Ch;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2022-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính